

DỰ TOÁN NHU CẦU KINH PHÍ
Thực hiện Chương trình mục tiêu về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 – 2035,
giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ba Dinh
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ba Dinh)

Đvt: Triệu đồng.

TT	Dự án	Nội dung	2026	2027	2028	2029	2030	Tổng
I	Dự án 1	Nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở	2.931	28.010	3.010	3.010	3.210	40.171
1	TDA 1.1	Đầu tư CSHT, thiết bị Y tế cơ sở (Trạm Y tế xã)	50	25.300	300	300	500	26.450
		Xây mới trạm Y tế xã		25.000				25.000
		Mua sắm trang thiết bị	50	300	300	300	500	1.450
2	TDA 1.2	Đào tạo bác sĩ chuyên khoa	100	100	100	100	100	500
3	TDA 1.3	Đổi mới hoạt động, cung ứng dịch vụ y tế cơ sở (phụ nữ mang thai, dinh dưỡng 1000 ngày, BCLN, học sinh, dưỡng sinh, cô đỡ thôn bản	300	300	300	300	300	1.500
		Chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai	50	50	50	50	50	250
		Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời	35	35	35	35	35	175
		Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà sau sinh	5	5	5	5	5	25
		Dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở	200	200	200	200	200	1.000
		Hỗ trợ thực hiện nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	10	10	10	10	10	50
4	TDA 1.4	Chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, tư vấn sức khỏe toàn diện (HĐ SK điện tử, nền tảng TYT xã, bác sĩ gia đình, tư vấn từ xa...)	2.481	2.310	2.310	2.310	2.310	11.721
		Thiết bị CNTT, chuyển đổi số	321	150	150	150	150	921
		Khám sức khỏe toàn dân	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	10.800
II	Dự án 2	Nâng cao hiệu quả hệ thống phòng bệnh và nâng cao SK	320	320	320	320	320	1.600
1	TDA 2.2	Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (HIV/AIDS, lao, sốt rét, viêm gan, phong, tiêm chủng thí điểm, giám sát trọng điểm, FETP)	120	120	120	120	120	600

2	TDA 2.3	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm; bệnh tật học đường; đảm bảo dinh dưỡng hợp lý (STEPS, mô hình NCD, y tế trường học, dinh dưỡng cộng đồng)	200	200	200	200	200	1.000
III	Dự án 3	Dân số và Phát triển	270	270	270	270	270	1.350
1	TDA 3.1	Khuyến khích cặp vợ chồng, cá nhân sinh con (kết hôn trước 30 tuổi, sinh đủ 2 con, dự phòng vô sinh, điều tra DHS)	10	10	10	10	10	50
2	TDA 3.2	đồng, nhà trường, tháng hành động trẻ em gái)	20	20	20	20	20	100
3	TDA 3.3	Nâng cao chất lượng dân số (sàng lọc trước sinh/sơ sinh, khám SK trước kết hôn, Thalassemia, phòng tránh mang thai vị thành niên, di cư, đồng bào DTTS)	80	80	80	80	80	400
4	TDA 3.4	Thích ứng với già hóa dân số; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (CLB NCT, khám phát hiện sớm, nhân lực lão khoa, chuẩn bị tuổi già)	150	150	150	150	150	750
5	TDA 3.5	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng(điều tra người khuyết tật, can thiệp sớm trẻ 0-6 tuổi, phục hồi tại nhà, nhân lực PHCN)	10	10	10	10	10	50
IV	Dự án 4	Nâng cao chất lượng chăm sóc xã hội cho người dễ bị tổn thương	10	10	10	10	10	50
1	TDA 4.2	ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, trẻ em bị xâm hại cần được hỗ trợ khẩn cấp (bảo	10	10	10	10	10	50
V	Dự án 5	Truyền thông y tế, quản lý, theo dõi và giám sát CT	230	230	250	250	250	1.210
1	TDA 5.1	Truyền thông - giáo dục sức khỏe ("Vi SK cộng đồng", truyền thông BKLN, dịch bệnh, dinh dưỡng, y tế trường học, nâng cao năng lực TT)	150	150	150	150	150	750
2	TDA 5.2	Truyền thông dân số (thông điệp, sản xuất ấn phẩm, vận động chính sách, sự kiện 11/7 & 26/12, nâng cao năng lực CTV dân số)	50	50	50	50	50	250
3	TDA 5.3	Giám sát, đánh giá Chương trình (xây dựng hệ thống M&E, biểu mẫu báo cáo, đánh giá đầu kỳ/giữa kỳ/cuối kỳ, tập huấn giám sát các cấp)	30	30	50	50	50	210
Tổng cộng			3.761	28.840	3.860	3.860	4.060	44.381

(Số tiền bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi một triệu đồng)